



wǎng wǎng

往往

Adverb · often

Example Sentences

tā wǎng wǎng hěn zǎo jiù qǐ chuáng

他往往很早就起床。

He often gets up very early.

tā wǎng wǎng zài zhōu mò qù tú shū guǎn kàn shū

他往往在周末去图书馆看书。

He often goes to the library to read on weekends.

zhōu mò de shí hòu wǒ wǎng wǎng hé péng yǒu yì qǐ kàn diàn yǐng

周末的时候，我往往和朋友一起看电影。

On weekends, I often watch movies with my friends.

Trace each character, then write the word on your own.

往	往	往	往	往	往	往	往	往	往	往
往	往	往	往	往	往	往	往	往	往	往